

Bản án số: 61/2021/DS-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Trúc

- *Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Phan Thanh Dũng

2. Ông Nguyễn Quốc Hùng

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1988

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Văn E**, sinh năm 1951

Bị đơn:* Anh **Bằng Thành V, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: ấp Trường Trung, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc H trình bày:

Vào ngày 18/7/2019, ông Bằng Thành V hợp đồng vay của tôi số tiền 72.000.000đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 04 tháng, nhưng từ đó đến nay ông V chỉ trả cho tôi 42.000.000đồng, số tiền còn lại 30.000.000đồng và tiền lãi ông V chưa thanh toán. Nay yêu cầu ông V trả cho tôi 30.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Bằng Thành V trình bày:

Tôi thừa nhận có vay tiền của chị H nhiều lần, tổng cộng là 72.000.000đồng như hợp đồng đã ký. Tôi đã trả cho chị H 48.000.000đồng chỉ còn nợ 24.000.000đồng. Nay tôi đồng ý trả cho H số tiền này và tiền lãi theo quy định pháp luật nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng vì hoàn cảnh gặp khó khăn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Phía nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là “*hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc H: chị H và anh V đều thống nhất số tiền vay và nội dung thỏa thuận vay tài sản. Hai bên chỉ tranh chấp số tiền anh V còn nợ chị H là bao nhiêu. Theo chị H trình bày, quá trình anh V trả nợ cho chị H có khi trả tiền mặt (không làm biên nhận), có khi chuyển khoản và hiện tại anh V còn nợ 30.000.000đồng, anh V thì cho rằng chỉ còn nợ 24.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp này thuộc về phía bị đơn, phía bị đơn cho rằng đã chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền 48.000.000đồng, tuy nhiên qua đối chiếu với trích sao kê giao dịch thông qua tài khoản của anh V cung cấp thì không có nội dung nào rõ ràng để chứng minh việc anh V đã chuyển khoản cho chị H số tiền trên. Do đó, chứng cứ của bị đơn đưa ra là không có cơ sở để xem xét và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất 10%/năm tương đương với số tiền: 30.000.000đồng x 10%/năm x 01 năm = 3.000.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc H; Buộc bị đơn anh Bằng Thành V trả cho chị Hồ Thị Ngọc H số tiền 33.000.000đồng (ba mươi ba triệu đồng) (gồm 30.000.000đồng vốn gốc và 3.000.000đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Bằng Thành V phải chịu 1.650.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hồ Thị Ngọc H được nhận lại 750.000đồng theo biên lai thu số 015561 ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc